

Bản án số: 479/2020/HC-PT

Ngày: 03 - 9 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhật Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 8 và ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 564/2019/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2253/2020/QĐPT-HC ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1970 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: Số 171 Quốc lộ 62, phường 2, thành phố A, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn

phòng Luật sư A, đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: 16A Nguyễn Đình C, Phường 1, thành phố A, tỉnh Long An.

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Số 106D/32 đường Lạc Long Q, phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ H1, sinh năm: 1968 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: 161D/06/34C7 Lạc Long Q, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 503 Lạc Long Q, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản uỷ quyền ngày 22/11/2019)

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo uỷ quyền của ông T là ông Nguyễn Thanh T1 thống nhất trình bày:

Ngày 10/12/2010, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2m² tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An cho bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 106D/32 đường Lạc Long Q, phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần đất nêu trên có nguồn gốc ông bà của ông Nguyễn Văn T để lại và gia đình ông T đã sử dụng vào mục đích làm đất nghĩa trang cho dòng họ từ trước năm 1975 đến nay nhưng chưa thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 54 nêu trên là không hợp pháp.

Do đó, ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 của bà Nguyễn Thị A, ngày 10/12/2010 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 của bà Nguyễn Thị A, ngày 10/12/2010 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An.

Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C, tỉnh Long An có ý kiến trình bày tại Văn bản số 26/CV-TN.MT ngày 28/5/2019 như sau:

Bà Nguyễn Thị A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21 ngày 10/12/2010 trên cơ sở cấp đổi từ thửa đất số 1624, tờ bản đồ số 2 (theo dữ liệu bản đồ cấp giấy năm 1996 kèm theo hồ sơ cấp đổi).

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1624, tờ bản đồ số 2 thực hiện theo trình tự thủ tục như sau:

- Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị A ký ngày 23/12/1996.

- Biên bản xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 5-6 tháng 11 năm 1996 của Hội đồng xét cấp giấy xã Q.

- Tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/11/1996 của UBND xã Q.

- Danh sách đủ điều kiện cấp giấy theo mẫu Trung ương.

- Tờ trình của phòng Địa chính ngày 21/11/1996.

- Quyết định số 384/UB.QĐ.96 ngày 21/11/1996 của UBND huyện C về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân xã Q.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị A thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét.

UBND xã Q, huyện C, tỉnh Long An có Văn bản số 70/UBND-VP ngày 09/7/2019 và Văn bản số 76/UBND-VP ngày 19/7/2019 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ:

Theo đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1996 của bà Nguyễn Thị A đối với các thửa 1624, 1625, 1668, cùng tờ bản đồ số 02,

nguồn gốc sử dụng đất do cha mẹ cho năm 1978. Theo đó, thửa 54, tờ bản đồ 21 được cấp đổi từ thửa 1624, tờ bản đồ số 02 nêu trên.

Về nguồn gốc thửa đất số 54, tờ bản đồ 21, tổng diện tích 627,2m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An là do cha mẹ chồng bà Nguyễn Thị A tặng cho.

Quá trình sử dụng thửa đất số 54 nêu trên: theo kết quả xác minh tại địa phương thì khoảng năm 1979 – 1980 hai vợ chồng bà A có cất nhà để ở trên khu đất của cha mẹ cho và có trồng trọt, chăn nuôi trên khu đất đó. Đến năm 1988 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng bà A về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Kể từ đó phần đất trên bỏ trống không ai canh tác nhưng hằng năm bà A vẫn về thăm ruộng đất và tảo mộ cho ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị A trình bày: phần đất có diện tích 627,2m² thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21 có nguồn gốc được cha mẹ cho từ trước năm 1975 và có để cho ông Nguyễn Văn P (cha của ông Nguyễn Văn T) tạm sử dụng từ năm 1973. Từ năm 1980 đến 1988, bà có về trông nom đất. Năm 1996, bà Nguyễn Thị A đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất và được UBND huyện C, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA ngày 21.11.1996 đối với các thửa 1624, 1625, 1668, cùng tờ bản đồ số 02. Ngày 10/12/2010, UBND huyện C cấp đổi thửa 1624, tờ bản đồ số 02 nêu trên thành thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 như hiện nay.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

- Hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 của bà Nguyễn Thị A, ngày 10/12/2010 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 của bà Nguyễn Thị A, ngày 10/12/2010 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA ngày 21.11.1996 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị A.

- Hủy một phần Quyết định số 384/UB.QĐ.96 ngày 21/11/1996 của UBND huyện C liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA ngày 21.11.1996.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2019, bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị A (có ông Đỗ H1 đại diện theo uỷ quyền) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm do có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như sau: không tổ chức phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại dẫn tới việc không thể thực hiện quyền yêu cầu độc lập về việc công nhận diện tích 627,2m² thuộc quyền sử dụng đất của bà A; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của những người làm chứng cũng như văn bản trả lời của UBND xã Q trái ngược nhau về nguồn gốc sử dụng đất nhưng không đưa những người này và UBND xã Q vào tham gia tố tụng là vi phạm; thời hiệu khởi kiện của ông T đã hết.

Về nội dung, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T (có ông Nguyễn Thanh T1 đại diện theo uỷ quyền) không đồng ý kháng cáo của bà A, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là luật sư Nguyễn Văn H phát biểu ý kiến: tại cấp sơ thẩm người khởi kiện đã có đơn đề nghị không tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và đối thoại; về thời hiệu khởi kiện, ông Nguyễn Văn T phát hiện việc cấp nhầm giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị A vào tháng 12 năm 2018 nên ngày 16/4/2019, khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính; bà A không chứng minh được bà là người sử dụng đất trong thời gian dài, trong khi đó UBND xã Q xác định bà A không sử dụng đất này từ năm 1988. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị A kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà A và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét kháng cáo về tố tụng:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, người khởi kiện đã có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại (BL 86) nên vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành đối thoại được theo quy định Điều 135 Luật tố tụng hành chính. Mặt khác, bà A cũng đã biết những chứng cứ do người khởi kiện cung cấp có trong hồ sơ, điều này thể hiện tại văn bản trình bày ý kiến của bà A ngày 28/7/2019 (BL 117) nên có cơ sở xác định các chứng cứ khởi kiện bà A đã biết. Do đó, kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho bà A không thể thực hiện quyền yêu cầu độc lập về việc công nhận diện tích 627,2m² thuộc quyền sử dụng đất của bà A là không có cơ sở.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Nguyễn Thị A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/11/1996 bao gồm các thửa 1624, 1625, 1668, cùng tờ bản đồ số 02; năm 2010, bà Nguyễn Thị A được UBND huyện C cấp đổi thửa 1624 thành thửa 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2 m² theo Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 ngày 10/12/2010. Ông Nguyễn Văn T phát hiện việc cấp nhầm giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị A vào tháng 12 năm 2018, đến ngày 16/4/2019 khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính nên kháng cáo này không được chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo đưa những người làm chứng và UBND xã Q vào tham gia tố tụng: Hồ sơ vụ án thể hiện, những người làm chứng của các bên đều có bản tự khai, lời khai và UBND xã Q đã có những ý kiến gửi cho Toà án cũng như trả lời cho các đương sự nên không cần thiết phải đưa những người này và UBND xã Q vào tham gia tố tụng. Do đó, kháng cáo này của bà A không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bà A cho rằng bản án của Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Nguyễn Thị A cho rằng phần đất nêu trên bà được cha mẹ chồng cho từ trước năm 1975 và có để cho ông Nguyễn Văn P (cha của ông Nguyễn Văn T) tạm sử dụng từ năm 1973. Từ năm 1980 đến 1988, vợ chồng bà có về trông nom đất, xây cất nhà. Năm 1996, bà Nguyễn Thị A đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong suốt quá trình sử dụng và được cấp giấy chứng nhận cho đến ngày khiếu nại, gia đình ông P không có ý kiến, tranh chấp, thủ tục cấp giấy đã được niêm yết theo quy định. Những người làm chứng cho rằng đất này có nguồn gốc do cha ông T để lại là không khách quan. Do đó, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3.2] Xét về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 ngày 10/12/2010 của bà Nguyễn Thị A đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An là đúng hình thức và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai.

[3.3] Hồ sơ vụ án thể hiện, các bên đương sự đều thừa nhận phần đất này là đất nông nghiệp (trồng lúa và mía). Ông T khẳng định phần đất này do cha ông là ông Nguyễn Văn P sử dụng từ trước năm 1975 (làm lúa) và làm thổ mộ chôn cất những người thân ruột thịt từ đời ông cố. Lời khai này phù hợp với xác nhận của những người làm ruộng và sinh sống ở gần phần đất này, và phù hợp với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Cũng theo chính lời khai của bà A, phần đất này vợ chồng bà để lại nhờ ông P trông coi, canh tác từ năm 1973. Đến năm 1980, vợ chồng bà A về lại cất nhà tạm ở thửa đất khác gần đó. Năm 1988, vợ chồng bà A về lại Thành phố Hồ Chí Minh, ông P lại tiếp tục canh tác. Năm 1996, bà A đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1988 đến nay.

[3.4] Tại cấp phúc thẩm, UBND xã Q có văn bản ngày 10/01/2020 xác định thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, diện tích 627,2m² do ông Nguyễn Văn T3 trực tiếp sử dụng từ năm 1975. Sau khi ông T3 chết thì gia đình ông P sử dụng. Đồng thời, năm 1979 vợ chồng bà A cũng có cất nhà nhưng trên thửa số 58 liền kề thửa số 54 để chăn nuôi và trồng trọt.

[3.5] Từ phân tích trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn P (cha ông T) là người đang trực tiếp canh tác, bà Nguyễn Thị A không phải là người sử dụng ổn định, lâu dài đất nông nghiệp từ trước năm 1993 nhưng lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất nói trên là không phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 1993 là có cơ sở.

[3.6] Về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Nguyễn Thị A:

Ngày 23/12/1996, bà Nguyễn Thị A có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1624, 1625, 1668, cùng tờ bản đồ số 02. Tuy nhiên, theo Quyết định số 384/UB.QĐ.96 ngày 21/11/1996 của UBND huyện C về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân xã Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA thì bà A được cấp quyền sử dụng đối với các thửa đất trên vào ngày 21/11/1996, trước 01 tháng 02 ngày so với ngày bà A làm đơn là không đúng trình tự, thủ tục.

[3.7] Về nguồn gốc đất, bà A kê khai do cha mẹ chồng cho năm 1978 (khi đó bà Nguyễn Thị A đang ở Thành phố Hồ Chí Minh) và cũng không có cơ sở xác định cha mẹ chồng tặng cho bà vào năm 1978. Tại cấp phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền lại khai nhận là bà A được thừa kế lại phần đất này. Như vậy, khai nhận có sự bất nhất nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ minh cho khai nhận của mình. Do đó, về nội dung trình bày cho rằng nguồn gốc đất do bà A được cha mẹ tặng cho là không có cơ sở.

[3.8] Về phân loại đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 380124 đều ghi loại đất Thổ (đất ở) nhưng các bên đương sự đều xác nhận thửa đất này chỉ có mồ mả và phần còn lại thì cấy lúa.

[3.9] Về diện tích đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA thể hiện thửa 1624 có diện tích 480m² nhưng khi cấp đổi thành thửa 54 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 thì diện tích là 627,2m². Văn phòng đăng ký đất đai ghi lý do tăng diện tích là bản đồ cũ sai ranh nhưng không có cơ sở chứng minh sự sai lệch giữa bản đồ cũ và bản đồ mới. Bà A cũng không lý giải được việc sai ranh đất này.

[4] Từ những phân tích trên, bản án của Toà án cấp sơ thẩm xác định việc UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 380124 đều không kiểm tra diện tích thực tế là không đúng với quy định của Luật đất đai 1993 và Luật đất đai 2003 nên chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm, bác kháng cáo của bà A và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị A được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 12/8/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Long An.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

- Hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 của bà Nguyễn Thị A, ngày 10/12/2010 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 380124 của bà Nguyễn Thị A, ngày 10/12/2010 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích 627,2 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA ngày 21.11.1996 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị A.

- Hủy một phần Quyết định số 384/UB.QĐ.96 ngày 21/11/1996 của UBND huyện C liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00496QSDĐ/0803-LA ngày 21.11.1996.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị A được miễn. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000537 ngày 26/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ (1), VP (3), 15b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình